

**CÔNG TY TNHH MTV
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ KIỂM TOÁN**

**Năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018**

Báo cáo tài chính đã kiểm toán

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 26

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một Thành viên Môi trường Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

1. Hội đồng Thành viên, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Thành viên, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban Kiểm soát vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Thành viên

Họ và tên

Ông Bùi Trọng Hiếu

Chức vụ

Chủ tịch Hội đồng Thành viên

Ban Giám đốc

Họ và tên

Ông Huỳnh Minh Nhựt

Chức vụ

Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Sơn

Phó Giám đốc

Ông Trần Văn Quân

Phó Giám đốc

Ông Phan Hồng Thái

Phó Giám đốc

Kế toán trưởng

Họ và tên

Ông Huỳnh Hữu Hồ

Chức vụ

Kế toán trưởng

Ban kiểm soát

Họ và tên

Ông Huỳnh Văn Hồng

Chức vụ

Kiểm soát viên

2. Trụ sở hoạt động

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 42 – 44 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các Chi nhánh và đơn vị trực thuộc bao gồm:

- **Chi nhánh Môi trường Đô thị Gia Định:** Văn phòng đặt tại số 12 Quang Trung, Phường 11, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh;
- **Chi nhánh Môi trường Đô thị Chợ Lớn:** Văn phòng đặt tại số 1 Tổng Văn Trân, Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh;
- **Chi nhánh Môi trường Đô thị Sài Gòn:** Văn phòng đặt tại số 150 Lê Đại Hành, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh;
- **Chi nhánh dịch vụ môi trường:** Văn phòng đặt tại số 18 Kinh Dương Vương, Phường 13, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh;
- **Chi nhánh xử lý chất thải:** Văn phòng đặt tại 337 Lê Văn Khương, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.
- **Chi nhánh Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh tại Đà Nẵng:** Văn phòng đặt tại số 53 Hà Huy Tập, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng.
- **Chi nhánh Tiền Giang – Trung tâm hỏa táng Vạn Phước Viên tại Tiền Giang:** Văn phòng đặt tại Ấp Tân Thới, Xã Tân Lý Đông, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang.

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

3. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một Thành viên Môi trường Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300438813 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/09/2010; đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 03/07/2013.

4. Hoạt động chính của Công ty trong năm là các dịch vụ công ích bao gồm dịch vụ tang lễ, tái chế phế liệu, thu gom và xử lý rác thải, chăm sóc và duy trì cây xanh.

5. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được thể hiện trong báo cáo tài chính từ trang 06 đến trang 26 (đính kèm).

6. Các sự kiện phát sinh sau ngày lập bảng cân đối kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán cho đến ngày lập báo cáo này có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên các báo cáo tài chính của Công ty.

7. Đơn vị kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt là đơn vị được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

8. Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này có được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

9. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2019

TM Ban Giám đốc



Giám đốc
HUỲNH MINH NHỰT



Số:81/BCKT-2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một Thành viên Môi trường Đô thị Thành Phố Hồ Chí Minh (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 03 tháng 03 năm 2019 từ trang 06 đến trang 26 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

1. Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi vẫn chưa nhận được thư xác nhận số dư tại ngày 31/12/2018 liên quan đến các khoản mục Phải thu khách hàng (Mã số 131), Trả trước người bán (Mã số 132), Phải trả người bán (Mã số 311), Người mua trả tiền trước (Mã số 312). Bằng những thủ tục kiểm toán thay thế khác, Chúng tôi cũng không thể thu thập đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp làm cơ sở cho ý kiến về tính hiện hữu của các khoản mục nêu trên, cũng như đánh giá những ảnh hưởng liên quan (nếu có) đến các khoản mục khác trên Báo cáo kết quả kinh doanh.
2. Công ty đã tạm tính và ghi nhận một khoản doanh thu dịch vụ công ích trong năm 2018 về vận chuyển rác và vận hành các trạm trung chuyển với số tiền ước tính là 45.522.297.760 đồng, để bù đắp một phần chi phí của công tác vận hành các trạm trung chuyển trong thời gian chờ văn bản của UBND Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến về định mức và đơn giá dự toán của dự án. Do đó, nếu có bất kỳ sự thay đổi nào về định mức và đơn giá dự toán nêu trên cũng sẽ ảnh hưởng đến doanh thu của Công ty

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một Thành viên Môi trường Đô thị Thành Phố Hồ Chí Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến các thuyết minh số IV.11 và V.14 của Thuyết minh báo cáo tài chính, doanh thu dịch vụ thu gom rác ghi nhận trong kỳ là doanh thu tạm tính được xác định theo khối lượng dịch vụ đã được nghiệm thu hoàn thành và đơn giá tạm tính (do chưa nhận được đơn giá dịch vụ chính thức từ UBND Thành phố Hồ Chí Minh) được ước tính 80% của giá thỏa thuận hợp đồng 2016, và sẽ được điều chỉnh khi có đơn giá phê duyệt chính thức.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2019.



NGUYỄN MẠNH QUÂN
Giấy CN ĐKHN kiểm toán
Số: 0180-2018-107-1

Kiểm toán viên

NGUYỄN ĐỨC PHƯỚC
Giấy CN ĐKHN kiểm toán
Số: 3857-2017-107-1

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	1	2	3	4	5
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		514.898.323.653	463.667.151.840
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	88.309.097.692	76.215.412.125
1.	Tiền	111		88.309.097.692	76.215.412.125
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		389.163.593.156	348.683.039.778
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	369.886.032.108	340.098.325.669
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	12.633.233.362	4.358.558.018
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	7.396.347.478	5.057.028.883
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(752.019.792)	(830.872.792)
IV.	Hàng tồn kho	140	V.5	37.425.632.805	37.735.972.420
1.	Hàng tồn kho	141		37.425.632.805	37.735.972.420
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		-	1.032.727.517
	Thuế và các khoản khác phải thu				
3.	Nhà nước	153	V.12	-	1.032.727.517
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		761.887.123.594	836.165.828.479
II.	Tài sản cố định	220		608.824.011.412	670.800.693.294
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	608.658.431.188	670.598.758.873
-	- Nguyên giá	222		2.098.196.867.677	2.062.090.734.121
-	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1.489.538.436.489)	(1.391.491.975.248)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.7	165.580.224	201.934.421
-	- Nguyên giá	228		498.350.454	498.350.454
-	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(332.770.230)	(296.416.033)
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		149.245.607.144	160.676.453.714
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	149.245.607.144	160.676.453.714
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		3.817.505.038	4.688.681.471
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	3.817.505.038	4.688.681.471
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		1.276.785.447.247	1.299.832.980.319

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
	1	2	3	4	5
C. NỢ PHẢI TRẢ		300		489.424.638.187	497.929.790.759
I. Nợ ngắn hạn		310		406.597.864.394	437.243.696.966
1. Phải trả người bán ngắn hạn		311	V.10	122.449.988.392	77.677.977.846
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		312	V.11	3.697.063.449	12.801.542.404
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		313	V.12	17.763.219.119	11.375.361.446
4. Phải trả người lao động		314		8.491.134.113	27.795.659.419
5. Chi phí phải trả ngắn hạn		315	V.13	78.128.096.198	115.188.404.940
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		318	V.14	40.454.752.521	40.454.752.521
9. Phải trả ngắn hạn khác		319		1.177.073.285	2.738.551.253
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		320	V.15	100.205.841.273	105.106.322.637
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		322	V.16	34.230.696.044	44.105.124.500
II. Nợ dài hạn		330		82.826.773.793	60.686.093.793
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		338	V.15	66.732.605.000	44.591.925.000
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		343		16.094.168.793	16.094.168.793
D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		787.360.809.060	801.903.189.560
I. Vốn chủ sở hữu		410	V.17	332.927.544.301	332.927.544.301
1. Vốn góp của chủ sở hữu		411		304.470.000.000	304.470.000.000
4. Vốn khác của chủ sở hữu		414		12.026.610.663	10.229.745.408
8. Quỹ đầu tư phát triển		418		16.475.557.001	18.272.422.256
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		421		(44.623.363)	(44.623.363)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		421a		(44.623.363)	(44.623.363)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		421b		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		454.433.264.759	468.975.645.259
1. Nguồn kinh phí		431		162.084.082.083	176.626.462.583
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		432		292.349.182.676	292.349.182.676
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		1.276.785.447.247	1.299.832.980.319

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu

TRẦN ANH THI

Kế toán trưởng

HUỲNH HỮU HÒ

Giám đốc



HUỲNH MINH NHỰT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mẫu số B 02 - DN

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	1	2	3	4	5
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	855.377.413.735	818.826.195.510
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		855.377.413.735	818.826.195.510
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	737.270.037.637	711.980.169.261
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		118.107.376.098	106.846.026.249
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	86.535.431	352.763.204
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4	13.156.983.606	8.756.366.436
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		13.156.983.606	8.756.366.436
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	74.524.679.709	65.807.842.471
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		30.512.248.214	32.634.580.546
11.	Thu nhập khác	31		2.464.963.351	2.181.119.887
12.	Chi phí khác	32		60.993.275	885.580.374
13.	Lợi nhuận khác	40		2.403.970.076	1.295.539.513
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		32.916.218.290	33.930.120.059
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6	6.303.351.033	5.520.772.753
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		26.612.867.257	28.409.347.306

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc






TRẦN ANH THI

HUỲNH HỮU HỒ

HUỲNH MINH NHỰT

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1		2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	V.12	872.950.246.194	947.646.719.755
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(399.429.804.301)	(491.442.674.355)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(269.835.784.177)	(315.720.084.961)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(13.156.983.606)	(8.868.509.554)
5.	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(3.181.000.000)	(9.791.214.098)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		16.081.856.105	17.497.034.587
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(158.572.661.791)	(138.819.289.036)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		20		44.855.868.424	501.982.338
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(50.968.216.924)	(112.592.753.617)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		879.300.000	242.300.000
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		86.535.431	352.763.204
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		30		(50.002.381.493)	(111.997.690.413)

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.15	243.077.357.778	256.499.271.785
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.15	(225.837.159.142)	(147.974.200.371)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		17.240.198.636	108.525.071.414
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		12.093.685.567	(2.970.636.661)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		76.215.412.125	79.186.048.786
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		88.309.097.692	76.215.412.125

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu



TRẦN ANH THI

Kế toán trưởng



HUỲNH HỮU HỒ

Giám đốc



HUỲNH MINH NHỰT

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh (dưới đây gọi tắt là Công ty) là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300438813 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/09/2010; đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 03/07/2013.

2. Trụ sở chính

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 42 – 44 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các Chi nhánh và đơn vị trực thuộc bao gồm:

- **Chi nhánh Môi trường Đô thị Gia Định:** Văn phòng đặt tại số 12 Quang Trung, Phường 11, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh;
- **Chi nhánh Môi trường Đô thị Chợ Lớn:** Văn phòng đặt tại số 1 Tổng Văn Trân, Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh;
- **Chi nhánh Môi trường Đô thị Sài Gòn:** Văn phòng đặt tại số 150 Lê Đại Hành, Phường 7, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh;
- **Chi nhánh dịch vụ môi trường:** Văn phòng đặt tại số 18 Kinh Dương Vương, Phường 13, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh;
- **Chi nhánh xử lý chất thải:** Văn phòng đặt tại 337 Lê Văn Khương, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh;
- **Chi nhánh Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh tại Đà Nẵng:** Văn phòng đặt tại số 53 Hà Huy Tập, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng.
- **Chi nhánh Tiền Giang – Trung tâm hỏa táng Vạn Phước Viên tại Tiền Giang:** Văn phòng đặt tại Ấp Tân Thới, Xã Tân Lý Đông, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang.

3. Ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty có chức năng kinh doanh các ngành nghề sau:

- Tái chế phế liệu. (Không hoạt động tại trụ sở);
- Hoạt động dịch vụ tang lễ. Chi tiết: Dịch vụ điện táng, cải táng và các dịch vụ có liên quan khác; bốc mộ; khâm liệm và các dịch vụ chuẩn bị cho địa táng, hỏa táng, điện táng; dịch vụ nhà tang lễ; bán đất xây mộ hoặc cho thuê đất đào mộ. Nhặt, bảo quản và xử lý xác vô thừa nhận; Hỏa táng xác, đào lấp huyệt mã;
- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: Quản lý kinh doanh các dịch vụ vệ sinh môi trường thành phố (quét dọn, thu gom, vận chuyển các loại rác sinh hoạt, rác xây dựng, rác y tế, dịch vụ nhà vệ sinh, dịch vụ mai táng, quản lý duy tu các nghĩa trang theo phân cấp và trung tâm hỏa táng), rút hầm cầu, nhà vệ sinh công cộng. Kinh doanh xà bần;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại. Chi tiết: Xử lý rác, chế biến phân rác vệ sinh môi trường. Sản xuất điện từ rác. Kinh doanh điện;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn lập các dự án đầu tư phát triển ngành vệ sinh công cộng thành phố;
- Sản xuất hóa chất cơ bản. Chi tiết: Sản xuất kinh doanh phân hữu cơ;

Các thuyết minh này là bộ phận không tách rời của các báo cáo tài chính đính kèm

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Thi công xây lắp công trình xử lý bãi rác;
- Thoát nước và xử lý nước thải. Chi tiết: Duy tu nạo vét, sửa chữa cống thoát nước và xử lý nước thải y tế;
- Thu gom rác thải độc hại. Chi tiết: Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại;
- Phá dỡ. Chi tiết: Tháo dỡ các công trình xây dựng;
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác. Chi tiết: Dịch vụ vệ sinh môi trường công nghiệp;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan. Chi tiết: Trồng và chăm sóc cây xanh, cây cảnh.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, được soạn lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền : Bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được xác định là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng vào thời điểm kết thúc năm tài chính, và được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”

5. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Nguyên tắc ghi nhận giá trị tài sản cố định hữu hình

Giá trị ban đầu của tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, sau khi ghi nhận ban đầu, trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng, các chi phí khác liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ nếu có. Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định, nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được phê duyệt.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính được áp dụng theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao của một số nhóm tài sản cụ thể như sau:

Loại tài sản	Năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 - 10 năm

Đối với các tài sản có thể xác định được một cách đáng tin cậy tổng số đơn vị sản phẩm ước tính tài sản có thể tạo ra thì được áp dụng phương pháp khấu hao theo số lượng sản phẩm. Đơn giá khấu hao được xác định là tổng nguyên giá của tài sản chia cho tổng số lượng sản phẩm ước tính mà tài sản có thể tạo ra. Trường hợp dự án được đưa vào sử dụng nhưng chưa được phê duyệt quyết toán, nguyên giá và số lượng sản phẩm được dùng để xác định đơn giá khấu hao là dữ liệu theo dự toán đầu tư được phê duyệt.

Phương pháp khấu hao áp dụng cho từng TSCĐ hữu hình được thực hiện nhất quán, trừ khi có sự thay đổi trong cách thức sử dụng tài sản đó.

6. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình bao gồm Giá trị quyền sử dụng đất, các phần mềm máy tính, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp, và được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất không thời hạn không phải trích khấu hao, Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng được cấp. Phần mềm máy tính được khấu hao theo đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ tám đến mười năm.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nợ phải thu là các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán hoặc phải thu các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính, và được phân loại:

- Có thời hạn thu hồi không quá 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi từ 12 tháng trở lên tại thời điểm lập báo cáo được phân loại là Tài sản dài hạn.

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đúng hạn hoặc không có khả năng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, và được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”.

8. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp, và được phân bổ theo đường thẳng trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

9. Ghi nhận các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa, và được phân loại khi lập Báo cáo tài chính, cụ thể :

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên tại thời điểm lập báo cáo được phân loại là nợ dài hạn ;

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng nếu Công ty có bằng chứng đáng tin cậy về chi phí ước tính phải chịu trong tương lai thì được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí, nhằm giảm sự gia tăng chi phí đột biến khi chi phí phát sinh thực tế. Chênh lệch (nếu có) giữa chi phí phát sinh thực tế với số đã trích, sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh năm phát sinh chi phí thực tế.

10. Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu dịch vụ công ích về thu gom vận chuyển rác là doanh thu tạm tính, được xác định theo khối lượng dịch vụ đã được nghiệm thu hoàn thành và đơn giá tạm tính (do chưa nhận được đơn giá dịch vụ chính thức từ UBND Thành phố Hồ Chí Minh). Công ty dự kiến đơn giá dịch vụ có thể được điều chỉnh lại do biến động đơn giá tiền lương và giá nhiên liệu, nên đơn giá tạm tính được ước tính 80% của giá thỏa thuận hợp đồng 2016.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm số thuế phải trả hiện tại và số thuế thu nhập hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất trong năm. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh do điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế hay các chi phí không được khấu trừ.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với lĩnh vực môi trường (thu gom vận chuyển xử lý rác, xử lý nước, hòa táng, vớt rác trên sông) là 10%, các dịch vụ khác là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định thuế đối với các nghiệp vụ khác nhau có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, do vậy, các số liệu thuế thể hiện trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt		
Tiền mặt VND	263.184.608	117.322.266
Tiền gửi ngân hàng		
Tiền gửi ngân hàng - VND	88.045.913.084	76.098.089.859
Cộng	88.309.097.692	76.215.412.125

2. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi nhánh Môi Trường Đô Thị Sài Gòn	34.731.859.386	22.818.400.741
Chi nhánh Dịch vụ Môi trường	8.939.113.115	3.259.432.186
Sở Tài nguyên và Môi trường		
Doanh thu năm 2014	-	9.265.370.224
Doanh thu năm 2015	-	13.583.314.053
Doanh thu năm 2016	136.578.366.512	139.217.034.839
Doanh thu năm 2017	269.526.765	21.628.792.101
Doanh thu năm 2018	14.571.130.051	-
Trung tâm Phát triển Quỹ đất	1.507.001.727	1.507.001.727
Bệnh viện Nhân dân 115	720.286.044	720.288.000
Công ty TNHH MTV TM DV MT Huỳnh Kim Nhật	-	13.810.428
Công ty TNHH SX TM DV		
Công nghệ Kỹ thuật Môi trường Biển Xanh	298.702.809	1.669.581.100
Công ty TNHH MTV MT Tân Hồng Ngọc	979.368.671	3.039.900.440
Công ty TNHH XD TM DV Việt Xanh QN	2.884.569.702	5.104.485.474
Công ty TNHH TM DV Môi trường Lâm Phát	-	673.036.891
Công ty TNHH MTV SX TM DV MT Á Châu	-	3.391.035.716
Công ty TNHH Rochdale Spears	3.810.906.320	1.821.561.060
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Công Ích Q.9	5.233.944.553	4.342.676.812
BQL Đầu tư Xây dựng Công trình Q. Tân Phú	22.584.299.754	20.561.261.852
BQL Đầu tư Xây dựng Công trình Q.12	4.224.751.027	1.652.044.000
BQL Đầu tư Xây dựng Công trình Quận 11	8.038.284.000	-
BQL Đầu tư Xây dựng Công trình Q.Bình Tân	6.900.265.000	-
Ủy ban Nhân dân Quận Bình Thạnh	-	3.227.764.063
Phòng TN & MT Quận Bình Tân	12.483.667.000	8.923.305.727
Phòng TN & MT Quận Gò Vấp	19.120.686.795	24.265.213.609
Phòng TN & MT Huyện Hóc Môn	3.367.425.142	1.546.543.856
Phòng TN & MT Quận Thủ Đức	12.874.547.969	17.189.223.758
Phòng Tài Chính Kế Hoạch Quận 11	12.545.015.000	-
Phải thu khách hàng khác	57.222.314.766	30.677.247.012
Cộng	369.886.032.108	340.098.325.669

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Trả trước người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH TM và Kỹ thuật Vạn Lâm	-	265.451.525
Công ty Cổ phần Kiến Địa	866.363.345	767.669.188
Công ty CP Vận tải -TM-XD Công nghiệp Đức Long	8.960.894.764	-
Công ty CP Tư vấn và Thẩm định Môi trường Vinacontrol- Chi nhánh TPHCM	624.230.368	1.347.352.199
Công ty TNHH KHCN Môi trường Quốc Việt	312.651.913	295.969.321
CN Miền Nam – Công ty CP Nồi hơi Việt Nam	-	45.614.250
Trả trước khách hàng khác	1.869.092.972	1.636.501.535
Cộng	12.633.233.362	4.358.558.018

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ban bồi thường GPMB Huyện Củ Chi	810.509.197 (*)	810.509.197
Bảo hiểm nộp thừa	551.886.571	722.890.947
Tiền bảo hiểm phải thu người lao động	1.174.643.495	-
Thuế GTGT chờ kết chuyển	1.234.238.516	-
Tạm ứng	3.625.069.699	3.523.628.739
Cộng	7.396.347.478	5.057.028.883

(*) Là số tiền còn tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh về chi phí phục vụ và chi phí đền bù giải tỏa của Dự án trồng cây xanh cách ly Khu Liên hiệp xử lý chất thải rắn Tây Bắc Thành phố theo quy định.

5. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên vật liệu	37.416.212.805 (*)	37.725.105.420
Công cụ dụng cụ	9.420.000	10.867.000
Cộng	37.425.632.805	37.735.972.420

(*) Trong đó, giá trị vật tư tồn kho từ trước năm 2007 với số tiền 18.770.346.833 đồng. Số lượng vật tư này dự định sử dụng cho công trình Dự án Xử lý rác Gò Cát. Do UBND Thành phố Hồ Chí Minh chưa sắp xếp được nguồn vốn để thực hiện công đoạn cuối của Dự án nên vật tư đã nhập về vẫn để tồn kho.

6. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ				
Số đầu năm	1.458.195.513.720	222.801.610.049	381.093.610.352	2.062.090.734.121
Tăng trong năm	3.909.784.698	31.409.535.329	6.992.179.827	42.311.499.854
Giảm thanh lý	-	(2.495.794.298)	(3.709.572.000)	(6.205.366.298)
Số cuối năm	1.462.105.298.418	251.715.351.080	384.376.218.179	2.098.196.867.677

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
HAO MÒN LŨY KẾ				
Số đầu năm	1.066.937.385.648	102.852.108.604	221.702.480.996	1.391.491.975.248
Khấu hao trong năm	64.261.124.355	11.599.590.526	28.346.049.112	104.206.763.993
Giảm thanh lý	-	(2.450.730.752)	(3.709.572.000)	(6.160.302.752)
Số cuối năm	1.131.198.510.003	112.000.968.378	246.338.958.108	1.489.538.436.489
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số đầu năm	391.258.128.072	119.949.501.445	159.391.129.356	670.598.758.873
Số cuối năm	330.906.788.415	139.714.382.702	138.037.260.071	608.658.431.188

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 768.706.263.807 đồng.

7. Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá	498.350.454	-	-	498.350.454
Giá trị hao mòn lũy kế	296.416.033	36.354.197	-	332.770.230
Giá trị còn lại	201.934.421			165.580.224

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quản lý rác sinh hoạt quận 10	6.679.549.766	6.679.549.766
Dự án nghĩa trang Tiền Giang	1.153.758.368	823.058.519
Dự án trung tâm hòa táng Đa Phước	1.463.022.814	392.211.906
Chi phí bồi thường giải tỏa tạo quỹ đất xây dựng các nhà máy xử lý chất thải	-	14.542.380.500
Chi phí bồi thường giải tỏa trồng cây xanh		
Khu Liên hiệp xử lý chất thải	130.283.712.404	130.283.712.404
Nghĩa trang Đa Phước giai đoạn 2	5.437.573.716	4.392.320.716
Các công trình khác	4.227.990.076	3.563.219.903
Cộng	149.245.607.144	160.676.453.714

9. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Phân bổ trong kỳ	Số cuối năm
Thùng rác	3.499.268.501	2.542.104.410	2.925.091.825	3.116.281.086
Công cụ dụng cụ	1.189.412.970	575.952.274	1.064.141.292	701.223.952
Cộng	4.688.681.471	3.118.056.684	3.989.233.117	3.817.505.038

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
5% tiền bảo hành vốn duy tu	955.036.574	1.064.159.324
Công ty TNHH TM DV Toàn An	3.403.644.508	1.878.037.419
Cty TNHH Hóa chất và Môi trường Vũ Hoàng	1.962.192.320	-
Công ty TNHH XD TM DV Sao Vàng Đất Việt	280.510.049	1.046.434.417

Các thuyết minh này là bộ phận không tách rời của các báo cáo tài chính đính kèm

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV TM XD Hoàng Anh Nam	8.766.410.236	974.429.455
Liên doanh nhà thầu KBEC HQ		
VPĐH CT tại TP HCM	6.557.773.000	6.557.773.000
Công ty TNHH MTV DV Cơ Khí Thịnh Phát	1.552.309.900	514.723.003
Công ty TNHH Cơ Khí Ô tô Thịnh Phát	1.539.359.040	129.168.460
Công ty TNHH MTV Cựu Chiến Binh TP HCM	882.038.388	695.539.253
Công ty TNHH MTV DVCI Quận 2	3.632.823.481	2.440.507.576
Công ty TNHH MTV DVCI Quận 3	4.327.650.972	4.320.746.353
Công ty TNHH MTV DVCI Quận 12	10.095.582.658	10.095.582.658
Công ty TNHH MTV DVCI Quận 9	3.362.820.442	3.362.820.442
Công ty TNHH MTV DVCI Quận Phú Nhuận	5.130.606.313	5.130.606.313
Công ty TNHH MTV DVCI Huyện Hóc Môn	7.810.495.486	7.810.495.486
Công ty TNHH MTV DVCI Quận Thủ Đức	7.450.831.573	7.450.831.573
Công ty TNHH MTV DVCI Quận Bình Thạnh	4.097.528.688	4.097.528.688
Công ty TNHH MTV DVCI Huyện Nhà Bè	2.136.591.396	2.136.591.396
Hợp tác xã Vận tải Công Nông	21.011.999.688	6.348.079.063
Công ty Cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO)	7.030.356.021	2.908.392.337
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	1.584.308.858	1.696.035.341
Công ty CP TM và DV Dầu khí Vũng Tàu	944.739.538	200.010.800
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại		
Dịch vụ Môi trường Á Châu	2.506.222.496	801.615.830
Công ty TNHH Dịch vụ công ích Sài Gòn Xanh	3.112.348.064	-
Công ty TNHH MTV DVCI huyện Hóc Môn	1.536.446.078	-
Các nhà cung cấp khác	10.779.362.625	6.017.869.659
Cộng	122.449.988.392	77.677.977.846

11. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phòng Tài chính Kế hoạch Quận 11	-	10.093.300.000
Các khách hàng khác	3.697.063.449	2.708.242.404
Cộng	3.697.063.449	12.801.542.404

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Phải nộp	Đã nộp	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	10.034.529.317	31.450.349.564	26.528.431.986	14.956.446.895
Thuế TNDN (*)	(1.032.727.517)	6.303.351.033	3.181.000.000	2.089.623.516
Thuế TNCN	1.336.001.009	1.568.623.206	2.193.138.227	711.485.988
Thuế tài nguyên	4.831.120	78.108.800	77.277.200	5.662.720
Thuế nhà đất	-	13.401.767.305	13.401.767.305	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	10.342.633.929	52.805.199.908	45.384.614.718	17.763.219.119

(*) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày tại mục Thuế và các khoản phải thu nhà nước trên Bảng cân đối kế toán.

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí xử lý nước rỉ rác bãi chôn lấp số 3	7.405.252.449	51.696.558.997
Chi phí trích trước của phần công việc sau khi đóng bãi chôn lấp số 3	50.217.075.946	45.082.673.160
Chi phí trích trước của phần công việc phủ đỉnh bãi chôn lấp số 3	20.505.767.803	18.409.172.783
Cộng	78.128.096.198	115.188.404.940

- 14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn:** Khoản doanh thu dịch vụ vận chuyển rác sinh hoạt năm 2016 đã xuất hoá đơn theo đơn giá thoả thuận hợp đồng. Tuy nhiên, đơn giá có thể được điều chỉnh lại do biến động đơn giá tiền lương và giá nhiên liệu. Trong thời gian chờ điều chỉnh đơn giá dịch vụ chính thức từ UBND Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty chưa ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn

	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn	Cộng
Số đầu năm	105.106.322.637	44.591.925.000	149.698.247.637
Tiền vay nhận được trong năm	220.016.677.778	23.060.680.000	243.077.357.778
Tiền vay đã trả trong năm	224.917.159.142	920.000.000	225.837.159.142
Vay ngắn hạn	212.258.859.142	-	212.258.859.142
Vay dài hạn	-	13.578.300.000	13.578.300.000
Vay dài hạn đến hạn trả	12.658.300.000	(12.658.300.000)	-
Số cuối năm	100.205.841.273	66.732.605.000	166.938.446.273

15.1 Vay ngắn hạn của Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP HCM theo Hợp đồng tín dụng số 18.3090026/2018-HĐCVHM/NHCT900-MTĐT ngày 16/04/2018.

- Hạn mức tín dụng: 170.000.000.000 VND;
- Mục đích thấu chi: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kế hoạch kinh doanh năm 2018;
- Lãi suất: Áp dụng lãi suất cho vay được điều chỉnh hàng tháng theo công thức lãi suất cho vay bằng lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ 3,5%/năm;
- Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ phù hợp với vòng quay vốn lưu động nhưng tối đa không quá 06 tháng;
- Hình thức đảm bảo: Cho vay ngắn hạn không có đảm bảo bằng tài sản.

15.2 Vay dài hạn theo các hợp đồng:

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 01/2015/94225/HĐTD ngày 20/11/2015, văn bản sửa đổi Hợp đồng tín dụng số 01/2015/94225/HDDTD ngày 20/11/2015 được sửa đổi bổ sung ngày 21/03/2016.

- Hạn mức tín dụng: 9.965.000.000 đồng;
- Mục đích vay: Thanh toán chi phí đầu tư dự án " Tăng cường năng lực xe máy năm 2015". Thanh toán tiền mua 05 xe ép rác: 03 xe ép lớn và 02 xe ép nhỏ (chi tiết theo quyết định số 316/QT-MTĐT ngày 17/07/2015 về việc phê duyệt báo cáo đầu tư tăng cường năng lực

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

phương tiện xe máy năm 2015 của Giám đốc Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị TPHCM);

- Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên;
- Lãi suất: Theo quy định của ngân hàng;
- Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2015/94225/HĐBĐ;
- Số dư tại ngày 31/12/2018: 3.806.000.000 đồng. Trong đó vay dài hạn đến hạn trả là 1.903.000.000 đồng.

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 01/2014/94225/HĐTD ngày 09/12/2014 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 02/2014/94225/HĐTD/PL02 ngày 18/03/2016.

- Hạn mức tín dụng: Không quá 78% tổng vốn đầu tư thực tế của dự án;
- Mục đích vay thanh toán chi phí đầu tư dự án "Nâng công suất xử lý chất thải nguy hại thêm 14 tấn/ 1 ngày cho công trường Đông Thạnh";
- Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn lần đầu;
- Thời hạn rút vốn: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng này có hiệu lực;
- Lãi suất trong hạn: Theo quy định của ngân hàng;
- Số dư tại ngày 31/12/2018: 6.739.425.000 đồng. Trong đó, vay dài hạn đến hạn trả là 2.995.300.000 đồng.

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 01/2016/94225/HĐTD ngày 11/11/2016.

- Hạn mức tín dụng: 12.360.000.000 đồng;
- Mục đích vay thanh toán đầu tư dự án "Tăng cường năng lực xe máy năm 2016";
- Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn lần đầu;
- Thời hạn rút vốn: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng này có hiệu lực;
- Lãi suất trong hạn: Theo quy định của ngân hàng;
- Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay;
- Số dư tại ngày 31/12/2018: 8.546.500.000 đồng. Trong đó, vay dài hạn đến hạn trả là 2.680.000.000 đồng.

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 01/2017/94225/HĐTD ngày 12/07/2017. Văn bản sửa đổi bổ sung số 02/2017/94225/HĐTD sửa đổi hợp đồng tín dụng số 01/2017/94225/HĐTD ngày 10/07/2017.

- Hạn mức tín dụng: 30.600.000.000 đồng;
- Mục đích vay thanh toán đầu tư dự án "Tăng cường năng lực xe máy năm 2017";
- Cụ thể: Thanh toán mua 08 xe ép rác và 06 xe chở rác thùng rời của HĐ số 564/HĐKT-MTĐT và 563/HĐKT-MTĐT ngày 12/6/2017
- Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày rút khoản vốn lần đầu;
- Lãi suất theo là lãi suất tiền gửi kỳ hạn 24 tháng trả lãi cuối kỳ cộng (+) biên độ 4%/năm, nhưng không thấp hơn lãi suất sàn BIDV công bố theo từng kỳ ;
- Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành từ vốn vay;

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Số dư tại ngày 31/12/2018: 25.500.000.000 đồng. Trong đó, vay dài hạn đến hạn trả là 6.800.000.000 đồng.

Vay dài hạn ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 01/2018/94225/HĐTD ngày 07/02/2018. Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số 03/2018/94225/HĐTD được lập ngày 17/08/2018.

- Hạn mức tín dụng: 16.550.680.000 đồng;
- Mục đích vay thanh toán đầu tư dự án "Đầu tư lò hỏa táng năm 2017";
- Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- Lãi suất cho vay trong hạn: là lãi suất tiết kiệm trả sau 24 tháng cộng (+) biên độ 4%, nhưng không thấp hơn lãi suất sàn BIDV công bố theo từng kỳ;
- Hình thức đảm bảo: Là hợp đồng thế chấp tài sản Số: 02/2018/94225/HĐBĐ ngày 23/03/2018 cụ thể như sau:

Máy móc thiết bị tại nhà máy xử lý nước rỉ rác Phước Hiệp giá trị: 9.676.557.913 đồng;

Máy móc thiết bị tại nhà máy xử lý nước rỉ rác Gò Cát giá trị 3.442.113.278 đồng;

- Số dư tại ngày 31/12/2018: 15.630.680.000 đồng. Trong đó, vay dài hạn đến hạn trả là 3.680.000.000 đồng.

Vay dài hạn ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 04/2018/94225/HĐTD ngày 11/09/2018.

- Hạn mức tín dụng: 40.778.000.000 đồng;
- Mục đích vay : Tăng cường năng lượng phương tiện xe máy năm 2018;
- Thời hạn vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- Lãi suất cho vay trong hạn: là suất tiền gửi cá nhân trả lãi cuối kỳ kỳ hạn 24 tháng do ngân hàng công bố + (cộng) biên độ 4%/năm;
- Hình thức đảm bảo: Là hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2018/94225/HĐTC ngày 11/09/2018 được ký giữa Ngân hàng và Bên vay;
- Số dư tại ngày 31/12/2018: 6.510.000.000 đồng. Trong đó, vay dài hạn đến hạn trả là 1.416.000.000 đồng.

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Chi trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	31.052.065.402	18.612.367.080	25.567.914.500	24.096.517.982
Quỹ phúc lợi	12.237.432.676	8.000.320.177	10.905.475.762	9.332.277.091
Quỹ Giám đốc	441.189.422	156.000.000	222.780.451	374.408.971
Quỹ trợ vốn của CB-CNV	374.437.000	251.055.000	198.000.000	427.492.000
Cộng	44.105.124.500	27.019.742.257	36.894.170.713	34.230.696.044

17. Vốn chủ sở hữu

Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	312.253.254.171	27.772.278.905	4.756.305.241	(61.529.259)	344.720.309.058
Lãi trong năm	-	-	-	28.409.347.306	28.409.347.306
Tăng vốn từ quỹ	2.446.491.237	(2.446.491.237)	-	-	-
Kết chuyển nguồn kinh	-	-	(4.756.305.241)	-	(4.756.305.241)

Các thuyết minh này là bộ phận không tách rời của các báo cáo tài chính đính kèm

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
phí XDCB					
Điều chỉnh PPLN năm 2015 theo Văn bản số 6937/UBND-KT ngày 07/11/2017	-	(15.576.169.604)	-	16.905.896	(15.559.263.708)
Trích quỹ năm trước	-	8.522.804.192	-	(28.409.347.306)	(19.886.543.114)
Số dư cuối năm trước	314.699.745.408	18.272.422.256	-	(44.623.363)	332.927.544.301
Số dư đầu năm nay	314.699.745.408	18.272.422.256	-	(44.623.363)	332.927.544.301
Tăng vốn từ quỹ	1.796.865.255	(1.796.865.255)			-
Lãi trong kỳ	-	-	-	26.612.867.257	26.612.867.257
Trích quỹ trong năm	-	-	-	(26.612.867.257)	(26.612.867.257)
Số dư cuối năm nay	316.496.610.663	16.475.557.001	-	(44.623.363)	332.927.544.301

Chi tiết phân phối lợi nhuận trong năm

	Số tiền
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	156.000.000
Trích quỹ khen thưởng	18.519.807.080
Trích quỹ phúc lợi	7.937.060.177
Cộng	26.612.867.257

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	855.377.413.735	818.826.195.510
Cộng	855.377.413.735	818.826.195.510

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ	737.270.037.637	711.980.169.261
Cộng	737.270.037.637	711.980.169.261

3. Doanh thu hoạt động tài chính là lãi tiền gửi ngân hàng.

4. Chi phí tài chính là chi phí lãi vay.

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	32.727.242.696	34.865.598.641
Điện, nước, điện thoại	1.675.479.413	1.616.699.567
Tiếp khách	2.919.263.257	2.812.678.146
Văn phòng phẩm, đồ dùng văn phòng	3.644.871.353	2.197.434.808
Khấu hao TSCĐ, sửa chữa	1.330.472.213	2.343.155.989
Công tác phí	2.951.055.773	2.811.828.676

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Năm nay	Năm trước
Tuyên truyền, quảng cáo	4.057.080.604	5.416.740.847
Chi phí khác	25.219.214.400	13.743.705.797
Cộng	74.524.679.709	65.807.842.471
6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	6.303.351.033	5.520.772.753
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	-	-
Cộng	6.303.351.033	5.520.772.753
7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	142.925.231.795	125.675.689.447
Chi phí nhân công	282.530.171.448	288.452.193.965
Chi phí khấu hao TSCĐ	104.243.118.190	44.063.707.523
Chi phí dịch vụ mua ngoài	201.188.473.290	248.895.925.937
Chi phí bằng tiền khác	80.907.722.623	70.700.494.860
Cộng	811.794.717.346	777.788.011.732

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán.

2. Thông tin về giao dịch và số dư trọng yếu với các bên liên quan : Không phát sinh giao dịch với các bên liên quan.

CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

3. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Công ty không có sự kiện đáng chú ý nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập báo cáo tài chính này có thể làm sai lệch các số liệu được trình bày trên báo cáo tài chính của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu



TRẦN ANH THI

Kế toán trưởng



HUỲNH HỮU HÒ

Giám đốc



HUỲNH MINH NHỰT